

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/6/2025.

*V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình,
ly hôn, con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phước Tân và ông Trần Thành Chúng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2025/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2025/QĐXXS-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 431/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn T, sinh năm: 1989; Địa chỉ: khóm A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1987; Địa chỉ: khóm A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

(Ông T có đơn yêu cầu vắng mặt. Bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2025 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Đoàn Văn T trình bày: Hôn nhân giữa ông và bà Phạm Thị T tự tìm hiểu được cha mẹ đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới vào năm 2007, đến năm 2012, ông với bà T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung và đã không sinh sống chung từ cuối năm 2017 cho đến nay. Nay, ông xin ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung Đoàn Thị Như H, sinh ngày 13/05/2008 và Đoàn Quốc Đ, sinh ngày 22/06/2012. Hiện nay, cháu H do bà T nuôi dạy, cháu Đ do ông nuôi. Khi ly hôn ông đồng ý để bà T được tiếp tục nuôi dạy cháu H. Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Đ, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà T theo quy định nhưng bà T vắng mặt không lý do.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 26/03/2025 được cháu Đoàn Quốc Đ cho biết: Cháu là con của ông Đoàn Văn T và bà Phạm Thị T, cháu thấy cha mẹ cháu đã không còn sống chung đã lâu, hiện cháu đang sống chung với cha, điều kiện của cháu rất tốt và cho ăn học đầy đủ, nay cháu có nguyện vọng sống với cha.

Tại biên bản xác minh ngày 27/3/2025 được bà Ph cho biết: Bà là chị ruột của ông Đoàn Văn T, bà Phạm Thị T là em dâu của bà. Nhà bà và nhà ông T sống gần nhau, bà thấy cuộc sống của ông T và bà T hạnh phúc đến 2017 thì không còn sống chung. Bà không biết mâu thuẫn giữa hai bên nhưng bà thấy từ sau năm 2017 đến nay giữa ông T và bà T không còn sống chung, gia đình hai bên cũng không hàn gắn, việc ly hôn giữa ông T và bà T bà không có ý kiến. Ông T và bà T có 02 con chung tên Đoàn Thị Như H và Đoàn Quốc Đ. Cháu H đang sống với bà T, cháu Đ đang sống với ông T.

Tại biên bản xác minh ngày 14/5/2025, Công an xã P cho biết hiện bà Phạm Thị T không có đăng ký thường trú tại tổ 15, ấp Phú Lợi, xã Phú Hữu, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại biên bản xác minh ngày 14/5/2025 Công an thị trấn A cho biết hiện bà Phạm Thị T vẫn còn đăng ký thường trú tại tổ 12, khóm A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông T vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt, bà T vắng mặt lần 2.

Đề diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Đoàn Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị T. Đồng thời, bà T có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu vắng mặt, bà T vắng mặt lần 2 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông T và bà T có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của ông T ly hôn với bà T: Thời gian ly thân giữa hai bên đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, đều nay cũng phù hợp với biên bản xác minh mâu thuẫn ngày 27/3/2025 mà Tòa án thu thập được. Do vậy có căn cứ cho thấy mục đích hôn nhân giữa ông T và bà T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, do đó yêu cầu ly hôn của ông T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung Đoàn Thị Như H, sinh ngày 13/05/2008 và Đoàn Quốc Đ, sinh ngày 22/06/2012. Hiện nay, cháu H do bà T nuôi dạy, cháu Đ do ông nuôi. Khi ly hôn ông đồng ý để bà T được tiếp tục nuôi dạy cháu H. Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Đ. Cháu Đ cũng có nguyện vọng tiếp tục sống với cha. Do đó, để đảm bảo điều kiện sống của các con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T tiếp tục nuôi cháu H, ông T tiếp tục nuôi cháu Đ.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do ông T và bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và không đề cập trong phần quyết định.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Do ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và không đề cập trong phần quyết định.

[7] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn T

- Về hôn nhân: Ông Đoàn Văn T được ly hôn với bà Phạm Thị T.

- Về con chung: Ông Đoàn Văn T được tiếp tục nuôi dạy cháu Đoàn Quốc Đ, sinh ngày 22/06/2012. Bà Phạm Thị T được tiếp tục nuôi dạy cháu Đoàn Thị Như H, sinh ngày 13/05/2008. Ông T và bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T và bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về án phí: Ông Đoàn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu số 0010349 ngày 05/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (ông T đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/6/2025). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND TT A (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

Mai Việt Quốc